

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **69/2018/DS-ST**
Ngày 25-12-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Quốc Thông.

Ông Trịnh Hữu Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lua là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 318/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988 (có mặt).

- Bị đơn: Bà Lê Hồng N (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp 3, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24-9-2018 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Ngày 30-12-2016 âm lịch, chị Nguyễn Thị T có cho bà Lê Hồng N vay số tiền 24.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k, vay không thời hạn và không tính lãi suất. Chị T đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay chị T yêu cầu bà N trả số tiền 24.000.000 đồng, lãi suất đối với số tiền vốn vay tính từ ngày 30-12-2016 đến ngày 30-01-2018 là 4.560.000 đồng. Tổng số tiền vốn và lãi 28.560.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k.

Tại phiên tòa, chị T rút lại yêu cầu tính lãi suất, chỉ yêu cầu bà N thanh toán vốn vay 24.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng bà Lê Hồng N không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Hồng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

[2] Về quan hệ pháp luật và thời hiệu khởi kiện: Giao dịch dân sự giữa chị Nguyễn Thị T và bà Lê Hồng N được xác định tại thời điểm thực hiện là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự. Các bên thực hiện giao dịch có lập thành văn bản thể hiện tại biên nhận nợ ngày 30-12-2016 ả, đến khi chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là chưa quá 03 năm nên theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[3] Xét nội dung vụ án: Tại biên nhận nợ ngày 30-12-2016 ả thể hiện bà N có vay của chị T số tiền 24.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k; bà N ký tên tại biên nhận. Quá trình tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập bà N tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và không có văn bản phản bác yêu cầu của nguyên đơn nên xem như cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào biên nhận nợ nêu trên buộc bà N phải có nghĩa vụ trả cho chị T vốn vay số tiền 24.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k.

[4] Tại phiên tòa, chị T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án.

[5] Như đã phân tích, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Lê Hồng N có nghĩa vụ thanh toán vốn cho chị Nguyễn Thị T số tiền 24.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với số tiền theo yêu cầu của chị T được Tòa án chấp nhận là 24.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k (giá vàng 24k tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 3.540.000 đồng/chỉ). Cụ thể: $[24.000.000 \text{ đồng} + (3.540.000 \text{ đồng} \times 03 \text{ chỉ})] \times 5\% = 1.731.000 \text{ đồng}$ (Một triệu bảy trăm ba mươi một nghìn đồng).

[7] Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T được Tòa án chấp nhận nên chị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, đã dự nộp được hoàn trả lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 429, 463, 466 và 469 Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Buộc bà Lê Hồng N có nghĩa vụ thanh toán vốn cho chị Nguyễn Thị T số tiền 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng) và 03 (Ba) chỉ vàng 24k.

Đối với khoản tiền phải thanh toán. Kể từ ngày chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành xong, bà Lê Hồng N phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 1.731.000 đồng (Một triệu bảy trăm ba mươi một nghìn đồng), chưa nộp.

Chị Nguyễn Thị T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã dự nộp 969.000 đồng (Chín trăm sáu mươi chín nghìn đồng) tại biên lai số 0012241 ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Hồng N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Dương Minh Út